

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-3-2023

*“v/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà và bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 400/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Ngọc T, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Khu T, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1994; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã B, TP. C, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Liên Bang Nga. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chu Ngọc T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn K tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương ngày 11/7/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sang Cộng hòa Liên Bang Nga sinh sống và làm việc. Cuối năm 2020, chị đã về Việt Nam để sinh con. Thời gian đầu, vợ chồng chị vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Khi con được 4 tháng, anh K có bảo chị sang Nga lao động nhưng do con còn nhỏ, mặt khác giữa chị

và anh K chưa thống nhất được cách quản lý kinh tế nên chị không sang. Cuối năm 2021, anh K đuổi chị về nhà bố mẹ đẻ nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, hai anh chị không liên lạc với nhau. Tháng 8/2022, anh K về Việt Nam thăm gia đình, có sang nhà chị thăm con đồng thời tìm gặp và nói chuyện với chị để giải quyết mâu thuẫn nhưng anh chị không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Minh Q, sinh ngày 15/11/2020, hiện đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị là 1.500.000đ/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, ông Hoàng Văn N (là bố đẻ anh K) trình bày: Sau khi kết hôn, chị T và anh K chung sống tại nhà ông được 6 tháng thì cả hai anh chị đều sang Nga làm việc. Quá trình chung sống ở Nga, hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì ông không biết. Tháng 6/2020, chị T có thai nên đã về Việt Nam để sinh con. Sau khi sinh con được gần một năm, anh K gọi điện thoại bảo chị T tiếp tục sang Nga làm việc cùng anh K nhưng chị T không đồng ý. Kể từ đó hai anh chị xảy ra mâu thuẫn. Đầu năm 2022, anh K về Việt Nam để thăm con và trực tiếp nói chuyện với chị T để giải quyết mâu thuẫn nhưng chị T không nghe. Do không thể giải quyết được mâu thuẫn và vì lý do công việc nên tháng 8/2022, anh K tiếp tục trở lại Nga làm việc. Hai anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không còn liên lạc với nhau. Chị T hiện đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh K vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh K biết. Quan điểm của anh K là do hiện nay con chung của hai anh chị còn nhỏ nên anh không nhất trí ly hôn với chị T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Minh Q, sinh ngày 15/11/2020. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn, anh xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Nếu anh được nuôi con, anh ủy quyền cho bố anh là ông Hoàng Văn N nuôi dưỡng, chăm sóc con cho đến khi anh về nước. Nếu chị T được nuôi con, anh không đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T. Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương, kết quả xác minh thể hiện: Chị T và anh K có đăng ký kết hôn tại

UBND xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, giữa hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm được do anh chị không đề nghị địa phương hòa giải. Hiện nay anh K đang ở nước ngoài còn chị T vẫn ở Việt Nam nhưng đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh K, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Ngọc T ly hôn anh Hoàng Văn K. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Minh Q, sinh ngày 15/11/2020 cho chị Chu Ngọc T nuôi dưỡng. Anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị T là 1.500.000đ/1 tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 án phí ly hôn. Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Văn K hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Nga, nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn Chín Hạ, xã Bắc An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình anh K đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh K ở Nga. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Hoàng Văn N là bố của anh K để ông N thông tin lại cho anh K biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh K đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 228

của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Chu Ngọc T và anh Hoàng Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/7/2019 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai anh chị cùng nhau sang Cộng hòa Liên bang Nga để làm việc. Năm 2020, chị T về Việt Nam sinh con, còn anh K vẫn ở lại Nga làm việc. Sau khi sinh con được một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh K muốn chị T tiếp tục sang Nga làm việc cùng anh nhưng chị T không đồng ý. Do mâu thuẫn nên hai anh chị không còn liên lạc với nhau, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Năm 2022, anh K về Việt Nam để thăm con và giải quyết mâu thuẫn với chị T nhưng không thành. Sau đó anh K đã tiếp tục quay trở lại Nga làm việc. Nay chị T xin ly hôn, anh K không nhất trí do con chung của anh chị còn nhỏ, ngoài ra anh không còn biện pháp nào khác để vợ chồng về đoàn tụ. Thực tế, hai anh chị mỗi người sống một nơi, đã không còn liên lạc với nhau từ lâu. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung*: Chị T và anh K có 01 con chung là Hoàng Minh Q, sinh ngày 15/11/2020. Khi ly hôn, chị T và anh K đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu Hoàng Minh Q còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, mặt khác cháu Q đang ở với chị T được học tập và phát triển tốt, anh K đang ở nước ngoài nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu Q cho chị T nuôi dưỡng đến khi cháu Q thành niên (tròn 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh K không nhất trí cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên để đảm bảo quyền lợi của con cần buộc anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Bắc An, thành phố Chí Linh thì thấy mức chi phí bình quân để nuôi một đứa trẻ trên địa bàn là 1.500.000 đồng/1 tháng. Xét mức cấp dưỡng chị T yêu cầu là phù hợp với thực tế nên cần chấp nhận, buộc anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 1.500.000 đồng/1 tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Chu Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh Hoàng Văn K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Ngọc T về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Ngọc T ly hôn anh Hoàng Văn K.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Chu Ngọc T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hoàng Minh Q, sinh ngày 15/11/2020 kể từ khi ly hôn cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh Hoàng Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 1.500.000 đồng/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 3/2023 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh K chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị Chu Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003612 ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Hoàng Văn K phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Chu Ngọc T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết. Anh Hoàng Văn K vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Bắc An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất